

Số: *143* /2023/TT-BQP

Hà Nội, ngày *27* tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 12 năm 2008; được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019;

Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định xử lý kỷ luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, thời hiệu, thời hạn; hình thức và thẩm quyền xử lý kỷ luật; hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người vi phạm kỷ luật Quân đội, pháp luật Nhà nước trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ (sau đây gọi chung là quân nhân), công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng (sau đây gọi chung là công chức, công nhân và viên chức quốc phòng); các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu của Ban Cơ yếu Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (gọi tắt là người làm việc trong tổ chức cơ yếu).

3. Lao động hợp đồng đang phục vụ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

4. Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu hoặc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

5. Dân quân, tự vệ phối thuộc với Quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đang đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội, trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

6. Học viên đào tạo sĩ quan dự bị tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội; công dân được trưng tập vào phục vụ trong Quân đội.

7. Người thôi phục vụ trong Quân đội, thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ nhưng vi phạm kỷ luật trong thời gian tại ngũ, làm việc đến mức phải xử lý kỷ luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người vi phạm: Là người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội mà theo quy định của Thông tư này và văn bản pháp luật có liên quan phải bị xử lý kỷ luật.

2. Tình trạng mất năng lực hành vi dân sự: Là tình trạng của người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của mình.

3. Phòng vệ chính đáng: Là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

4. Tình thế cấp thiết: Là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

5. Điều kiện bất khả kháng: Là điều kiện mà trong đó do hoàn cảnh khách quan người có hành vi vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

6. Vi phạm kỷ luật nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn; gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín của Quân đội và của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

7. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu: Là học viên được Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài để phục vụ Quân đội, phục vụ ngành cơ yếu.

8. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu không về nước theo quy định: Là về nước chậm từ 15 ngày trở lên kể từ ngày hết hạn học tập theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ mà không được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc không có lý do chính đáng.

9. Vắng mặt trái phép: Là hành vi vắng mặt ở đơn vị dưới 24 (hai bốn) giờ từ 02 lần trở lên hoặc từ 24 (hai bốn) giờ đến 72 giờ (ba ngày) đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu; dưới 24 (hai bốn) giờ từ 02 lần trở lên hoặc từ 24 (hai bốn) giờ đến 168 giờ (07 ngày) đối với hạ sĩ quan, binh sĩ mà không được phép của người chỉ huy có thẩm quyền.

10. Đào ngũ: Là hành vi tự ý rời khỏi đơn vị quá 03 (ba) ngày đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng; quá 07 (bảy) ngày đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không thuộc các trường hợp được quy định tại Bộ luật hình sự.

11. Thời hiệu xử lý kỷ luật: Là thời hạn quy định mà khi hết thời hạn đó người có hành vi vi phạm không bị kỷ luật.

12. Thời hạn xử lý kỷ luật: Là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc từ khi cấp có thẩm quyền kết luận có hành vi vi phạm đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

13. Hạ bậc lương: Là hạ bậc có hệ số lương cao hơn xuống bậc có hệ số lương thấp hơn đối với sĩ quan được nâng lương và các đối tượng hưởng lương khác quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Mọi vi phạm kỷ luật khi được phát hiện phải ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh; hậu quả do vi phạm kỷ luật gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm kỷ luật chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật; trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu người vi phạm từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì phải xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm. Trường hợp xử lý nhiều hình thức kỷ luật, do cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm khách quan, công bằng, nghiêm minh, chính xác, kịp thời; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; đúng quy định của pháp luật; đồng bộ giữa kỷ luật Quân đội với kỷ luật về Đảng; kỷ luật Quân đội không thấp hơn kỷ luật về Đảng; kỷ luật Quân đội không thay thế kỷ luật về Đảng, kỷ luật của đoàn thể và ngược lại.

4. Việc xử lý vi phạm kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể, các tình tiết giảm nhẹ,

tình tiết tăng nặng, thái độ tiếp thu sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, hậu quả vi phạm đã gây ra.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hành vi vi phạm trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; không áp dụng các hình thức kỷ luật khác thay cho hình thức kỷ luật được quy định tại Thông tư này.

6. Không xử lý kỷ luật tập thể đối với cơ quan, đơn vị vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc có nhiều người vi phạm kỷ luật; chỉ xem xét xử lý kỷ luật thuộc về trách nhiệm của người chỉ huy, chính uỷ, chính trị viên (sau đây gọi chung là người chỉ huy) và từng cá nhân vi phạm.

7. Không áp dụng hình thức kỷ luật giáng cấp bậc quân hàm đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đang giữ cấp bậc quân hàm thiếu úy, binh sĩ giữ cấp bậc quân hàm binh nhì; không áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức đối với người vi phạm không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với sĩ quan chưa được nâng lương; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang hưởng lương Bậc 1.

8. Khi xử lý kỷ luật, ngoài hình thức kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm, nếu vi phạm gây thiệt hại về vật chất, người vi phạm còn phải bồi thường. Tài sản, tiền, vật chất do hành vi vi phạm mà có phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

9. Người chỉ huy các cấp phải chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật của quân nhân thuộc quyền; tùy tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả gây ra của vụ việc và mức độ liên quan đến trách nhiệm của người chỉ huy trực tiếp và trên một cấp để xác định hình thức kỷ luật theo quy định tại Thông tư này.

10. Không chuyển công tác đối với người bị phát hiện có hành vi vi phạm chưa được xử lý theo quy định. Người thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan, đơn vị không giam quân số quản lý mà chuyển hồ sơ vi phạm sang cơ quan điều tra trong Quân đội để xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp bị tòa án xét xử và tuyên phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì chỉ giải quyết chế độ, chính sách sau khi bản án hoặc quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật và đã xử lý hình thức kỷ luật tương ứng quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

1. Tình tiết giảm nhẹ

a) Người vi phạm kỷ luật đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm kỷ luật đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm, xử lý vi phạm kỷ luật;

c) Vi phạm kỷ luật do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần; vi phạm trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

d) Có nhiều thành tích trong học tập, công tác, lao động, sản xuất, chiến đấu.

2. Tình tiết tăng nặng

- a) Vi phạm kỷ luật nhiều lần hoặc tái phạm;
- b) Ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất hoặc tinh thần thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm kỷ luật;
- d) Tiếp tục vi phạm kỷ luật mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó;
- đ) Sau khi vi phạm kỷ luật đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm kỷ luật.

3. Tình tiết quy định tại khoản 2 Điều này đã được quy định là hành vi vi phạm kỷ luật thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Điều 6. Trường hợp chưa xem xét kỷ luật và miễn trách nhiệm kỷ luật

1. Trường hợp chưa xem xét kỷ luật

- a) Trong thời gian nghỉ theo chế độ quy định (trừ trường hợp nghỉ chuẩn bị hưu);
- b) Trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ sở quân y cấp trung đoàn trở lên hoặc bệnh viện, trung tâm y tế từ tuyến huyện trở lên;
- c) Phụ nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ chế độ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp người có hành vi vi phạm có văn bản yêu cầu được xem xét xử lý kỷ luật;
- d) Đang trong thời gian chờ kết quả giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trường hợp miễn trách nhiệm kỷ luật

- a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội;
- b) Vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội trong trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, do điều kiện bất khả kháng;
- c) Vi phạm do chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy cấp trên hoặc phân công nhiệm vụ của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật

- a) Thời hiệu xử lý kỷ luật khiển trách là 5 năm; cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm là 10 năm kể từ thời điểm có hành vi vi phạm. Nếu trong thời hiệu xử lý kỷ luật, người vi phạm có hành vi vi phạm mới thì thời hiệu xử lý kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới

Đối với hành vi vi phạm xác định được thời điểm chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm chấm dứt;

Đối với hành vi vi phạm chưa chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phát hiện;

Đối với hành vi vi phạm không xác định được thời điểm chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm có kết luận của cấp có thẩm quyền.

b) Không áp dụng thời hiệu đối với: Hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật trước quân hàm sĩ quan, tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc; hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, hành vi vi phạm xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; hành vi vi phạm việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp; quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày. Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra, xác minh làm rõ thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 150 ngày.

3. Không tính vào thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật đối với:

a) Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với các trường hợp tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự (nếu có). Khi có kết luận cuối cùng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền hoặc bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật thì xem xét xử lý kỷ luật theo quy định;

c) Thời gian thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án về quyết định xử lý kỷ luật cho đến khi ra quyết định xử lý kỷ luật thay thế theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật đối với người vi phạm trong thời hạn quy định. Nếu hết thời hạn xử lý kỷ luật mà chưa ban hành quyết định xử lý kỷ luật thì chịu trách nhiệm về việc chậm ban hành và phải ban hành quyết định xử lý kỷ luật nếu hành vi vi phạm còn trong thời hiệu.

Điều 8. Khiếu nại quyết định kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm kỷ luật không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng

Khi chưa có quyết định giải quyết của cấp có thẩm quyền, người vi phạm kỷ luật vẫn phải chấp hành nghiêm quyết định hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được khiếu nại của người vi phạm kỷ luật phải có trách nhiệm xem xét trả lời theo đúng thẩm quyền và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Tạm đình chỉ công tác đối với người vi phạm kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm nếu tiếp tục làm việc có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc gây khó khăn cho việc xác minh, thì trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn và tương đương trở lên được quyền tạm đình chỉ công tác đối với người vi phạm kỷ luật thuộc quyền quản lý và tạm thời chỉ định người thay thế, nhưng phải báo cáo lên cấp trên.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 90 ngày. Trường hợp đặc biệt do có nhiều tình tiết phức tạp cần được làm rõ thì có thể kéo dài nhưng không được quá 150 ngày.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại

1. Người vi phạm kỷ luật phải bồi thường thiệt hại đã gây ra theo quy định của pháp luật.

2. Quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn hợp pháp khác tại các cơ sở đào tạo trong hay ngoài Quân đội, ngành cơ yếu hoặc ở nước ngoài phải bồi thường chi phí đào tạo trong các trường hợp sau:

- a) Tự ý bỏ học;
- b) Vi phạm kỷ luật đến mức không được tiếp tục đào tạo, công nhận tốt nghiệp;
- c) Đã tốt nghiệp nhưng không nhận nhiệm vụ hoặc không về nước để chấp hành sự điều động công tác của cấp có thẩm quyền;
- d) Tốt nghiệp, nhận nhiệm vụ nhưng cố ý vi phạm kỷ luật với động cơ để ra khỏi Quân đội hoặc bỏ việc khi chưa đủ thời gian công tác gấp 02 (hai) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo đối với đối tượng học trình độ cao đẳng, đại học; gấp 03 (ba) lần thời gian hưởng chi phí đào tạo đối với những đối tượng đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tính từ khi tốt nghiệp về đơn vị;

đ) Chi phí, cách tính chi phí, trả và thu hồi chi phí bồi hoàn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Đơn vị có đối tượng phải bồi hoàn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thu hồi chi phí đào tạo.

Chương II

HÌNH THỨC KỶ LUẬT VÀ THẨM QUYỀN XỬ LÝ

Điều 11. Hình thức kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật đối với sĩ quan
 - a) Khiển trách;
 - b) Cảnh cáo;
 - c) Hạ bậc lương;
 - d) Giáng chức;

- đ) Cách chức;
- e) Giáng cấp bậc quân hàm;
- g) Tước quân hàm sĩ quan;
- h) Tước danh hiệu quân nhân.

2. Hình thức kỷ luật đối với quân nhân chuyên nghiệp

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giáng chức;
- d) Cách chức;
- đ) Hạ bậc lương;
- e) Giáng cấp bậc quân hàm;
- g) Tước danh hiệu quân nhân.

3. Hình thức kỷ luật đối với hạ sĩ quan-binh sĩ

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giáng chức;
- d) Cách chức;
- đ) Giáng cấp bậc quân hàm;
- e) Tước danh hiệu quân nhân.

4. Hình thức kỷ luật đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý đối với người vi phạm kỷ luật thuộc quyền quản lý

1. Tiểu đội trưởng và chức vụ tương đương được quyền khiển trách chiến sĩ.
2. Trung đội trưởng và chức vụ tương đương được quyền khiển trách đến tiểu đội trưởng và tương đương.
3. Đại đội trưởng, chính trị viên đại đội, trạm trưởng trạm kiểm soát biên phòng và chức vụ tương đương được quyền:
 - a) Khiển trách đến trung đội trưởng và tương đương; sĩ quan, quân nhân

chuyên nghiệp đến cấp đại úy; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 5,3;

b) Cảnh cáo đến tiểu đội trưởng và tương đương; hạ sĩ quan đến cấp trung sĩ; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 4,9;

4. Tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn; đồn trưởng, chính trị viên đồn biên phòng và chức vụ tương đương được quyền

a) Khiển trách đến đại đội trưởng, chính trị viên đại đội; trạm trưởng biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thiếu tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,1;

b) Cảnh cáo đến trung đội trưởng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp đại úy; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 5,3;

c) Giáng cấp quân hàm từ binh nhất xuống binh nhì.

5. Trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và chức vụ tương đương được quyền

a) Khiển trách đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,8;

b) Cảnh cáo đến đại đội trưởng, chính trị viên đại đội; trạm trưởng biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thiếu tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,1;

c) Giáng chức, cách chức tiểu đội trưởng và tương đương;

d) Giáng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp trung sĩ.

6. Sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn và chức vụ tương đương được quyền

a) Khiển trách đến trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng;

b) Cảnh cáo đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn; đồn trưởng, chính trị viên đồn biên phòng và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,8;

c) Giáng chức, cách chức đến phó tiểu đoàn trưởng, chính trị viên phó tiểu đoàn và tương đương;

d) Giáng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp thượng sĩ.

7. Tư lệnh, chính ủy Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển được quyền

a) Khiển trách đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng; chính ủy trung, lữ đoàn; hải đoàn trưởng, chính ủy hải đoàn và tương đương; sĩ quan đến cấp đại tá; quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng;

b) Cảnh cáo đến hải đội trưởng, chính trị viên hải đội và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp trung tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng có hệ số lương dưới 6,8;

c) Giáng chức, cách chức đến thuyền trưởng, chính trị viên tàu có hệ số phụ cấp chức vụ 0,4 và các chức vụ có cùng hệ số phụ cấp;

d) Giáng cấp bậc quân hàm, tước danh hiệu quân nhân đến cấp thượng sĩ.

8. Tư lệnh, chính ủy các đơn vị: Cảnh sát biển Việt Nam; Bộ Tư lệnh 86; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, binh chủng và chức vụ tương đương được quyền

a) Khiển trách đến sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn; tư lệnh, chính ủy vùng Cảnh sát biển Việt Nam và tương đương;

b) Cảnh cáo đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương; sĩ quan đến cấp đại tá; quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng (trừ các chức vụ quy định tại điểm a khoản này);

c) Giáng chức, cách chức đến phó trung đoàn trưởng, phó lữ đoàn trưởng, phó chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương.

d) Hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm sĩ quan đến thiếu tá; quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc thẩm quyền nâng lương theo quy định của Bộ Quốc phòng;

9. Tư lệnh, chính ủy quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn; Chủ nhiệm, Chính ủy Tổng cục Hậu cần, Kỹ thuật, Công nghiệp quốc phòng; Tổng cục trưởng, Chính ủy Tổng cục II; Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ và chức vụ tương đương được quyền

a) Khiển trách đến sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn; tư lệnh, chính ủy vùng hải quân; chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố; bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và tương đương;

b) Cảnh cáo đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương, sĩ quan đến cấp đại tá, quân nhân chuyên nghiệp đến cấp thượng tá, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng (trừ các chức vụ quy định tại điểm a khoản này);

c) Giáng chức, cách chức đến trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng; chính ủy trung đoàn, lữ đoàn và tương đương; chỉ huy trưởng, chính trị viên ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

d) Hạ bậc lương, giáng cấp bậc quân hàm sĩ quan đến cấp trung tá, quân nhân chuyên nghiệp đến trung tá, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc thẩm quyền nâng lương theo quy định của Bộ Quốc phòng;

10. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị có thẩm quyền xử lý kỷ luật như quy định tại khoản 9 Điều này và xử lý kỷ luật đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng ở các doanh nghiệp cổ phần trực thuộc Bộ Quốc phòng.

11. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xử lý kỷ luật với các đối tượng thuộc thẩm quyền theo quyền hạn.

Chương III

HÀNH VI VI PHẠM VÀ ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT NHƯNG CHƯA ĐẾN MỨC TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, VI PHẠM KỶ LUẬT QUÂN ĐỘI VÀ ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 13. Vi phạm chế độ trách nhiệm của người chỉ huy

1. Người chỉ huy trực tiếp và trên một cấp do thiếu trách nhiệm trong quản lý, chỉ huy mà để quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội đến mức bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị kỷ luật từ khiển trách đến cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

a) Biết hoặc phát hiện dấu hiệu cấp dưới thuộc quyền có hành vi vi phạm nhưng không có biện pháp kịp thời ngăn chặn;

b) Bao che cho hành vi vi phạm của cấp dưới.

3. Trường hợp người vi phạm đã chết, căn cứ vào kết quả điều tra, xác minh và tính chất vụ việc để xử lý trách nhiệm của người chỉ huy theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quyền hạn của người chỉ huy

1. Người chỉ huy nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm sai nguyên tắc, quy định hoặc ra mệnh lệnh vượt quá quyền hạn thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

a) Sử dụng các phương tiện, trang bị của Quân đội để thực hiện hành vi vi phạm;

b) Đã được can ngăn, nhắc nhở nhưng vẫn cố tình vi phạm;

c) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

d) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 15. Chống mệnh lệnh

1. Không chấp hành mệnh lệnh hoặc không thực hiện nhiệm vụ khi người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp có thẩm quyền giao thì bị kỷ luật cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

- a) Là chỉ huy;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong sẵn sàng chiến đấu;
- d) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- đ) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 16. Chấp hành không nghiêm mệnh lệnh

1. Khi được người chỉ huy trực tiếp hoặc cấp trên có thẩm quyền ra lệnh hoặc giao nhiệm vụ nhưng chấp hành không đầy đủ, lơ là, tùy tiện, chậm trễ gây trở ngại cho việc chỉ huy, ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm

- a) Là chỉ huy;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong sẵn sàng chiến đấu;
- d) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Điều 17. Cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ

1. Gây khó khăn hoặc xúi giục nhằm cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong sẵn sàng chiến đấu;
- d) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 18. Làm nhục đồng đội

1. Người nào xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của đồng đội trong quan hệ công tác thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy hoặc cấp trên;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia;
- d) Gây tổn hại sức khỏe.

Điều 19. Hành hung đồng đội

1. Người nào trong quan hệ công tác có hành động hành hung, xúc phạm đến thân thể của đồng đội thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy hoặc cấp trên;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia;
- d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe.

Điều 20. Vắng mặt trái phép

1. Người nào vắng mặt trái phép thì bị kỷ luật khiển trách.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan.

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia;
- d) Trong sẵn sàng chiến đấu;
- đ) Gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

3. Vi phạm trong trường hợp sau thì bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

Tái phạm và đã bị xử lý kỷ luật hình thức cao nhất được quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 21. Đào ngũ

1. Người nào đào ngũ thì bị kỷ luật cảnh cáo, hạ bậc lương.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia;
- d) Gây hậu quả nhưng chưa đến mức độ nghiêm trọng;
- đ) Khi đang làm nhiệm vụ.

Điều 22. Trốn tránh nhiệm vụ

1. Tự gây thương tích, gây tổn hại đến sức khỏe của mình, giả bị bệnh hoặc

dùng các hình thức gian dối khác để trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ được giao thì bị kỷ luật cảnh cáo, hạ bậc lương.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm đến tước quân hàm sĩ quan, tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 23. Vi phạm các quy định đối với lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu

1. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm từ 15 ngày đến dưới 30 ngày so với thời gian quy định thì bị kỷ luật khiển trách.

2. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm từ 30 ngày đến dưới 90 ngày so với thời gian quy định thì bị kỷ luật cảnh cáo đến giáng cấp bậc quân hàm.

3. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm từ 90 ngày trở lên so với thời gian quy định thì bị kỷ luật tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

Điều 24. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật quân sự, bí mật Nhà nước

1. Vô ý làm lộ bí mật hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật quân sự, bí mật Nhà nước thì bị kỷ luật từ cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

- a) Trong khu vực có tình hình an ninh chính trị mất ổn định;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 25. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo

1. Báo cáo sai, báo cáo không kịp thời, không báo cáo nhằm lừa dối cấp trên, bao che, trốn tránh trách nhiệm, đổ lỗi cho người khác thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Gây ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị hoặc ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự người khác;
- c) Bản thân đang thực hiện nhiệm vụ quan trọng;
- đ) Trong khu vực có tình hình an ninh chính trị mất ổn định.

Điều 26. Vi phạm các quy định về trực chiến, trực chỉ huy, trực ban, trực nghiệp vụ

1. Tự ý bỏ vị trí hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm.

- a) Trong sẵn sàng chiến đấu;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 27. Vi phạm các quy định về bảo vệ

1. Chấp hành không nghiêm các quy định về tuần tra, canh gác, áp tải, hộ tống thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm trong trường hợp bảo vệ mục tiêu quan trọng thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm.

Điều 28. Vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn

1. Vi phạm các quy định phòng chống cháy nổ; bảo đảm an toàn trong huấn luyện, công tác, lao động, học tập, sinh hoạt và an toàn giao thông thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Là người có chuyên môn nghiệp vụ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc ngăn chặn hậu quả;
- c) Để xảy ra mất an toàn về người, vũ khí, trang bị, phương tiện, tài sản.

Điều 29. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật

1. Để xảy ra mất an toàn về người, vũ khí, trang bị, phương tiện, tài sản thì bị kỷ luật từ cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Là người có chuyên môn nghiệp vụ về vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự.

Điều 30. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự

1. Vô ý làm mất hoặc làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị, phương tiện kỹ thuật quân sự thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy;
- b) Trong chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu;
- c) Không có biện pháp tích cực ngăn chặn.

Điều 31. Chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm

1. Chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến đơn vị.

Điều 32. Quấy nhiễu Nhân dân

1. Khi tiếp xúc với nhân dân mà có hành vi đòi hỏi, yêu sách, quấy nhiễu, gây phiền hà, khó khăn, cản trở sinh hoạt bình thường của Nhân dân hoặc xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của Nhân dân thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

- a) Là chỉ huy;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Trong khu vực có chiến sự hoặc tình trạng khẩn cấp;
- d) Gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của Quân đội.

Điều 33. Lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trong khi thực hiện nhiệm vụ mà vượt quá phạm vi cần thiết của nhu cầu quân sự gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân

a) Từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thì bị kỷ luật khiển trách;

b) Từ trên 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến dưới 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng thì bị kỷ luật cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Gây thiệt hại từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến dưới 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Điều 34. Ngược đãi tù binh, hàng binh

Vi phạm chính sách tù binh, hàng binh, ngược đãi tù binh, hàng binh thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức.

Điều 35. Chiếm đoạt tài sản

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng các thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tổ chức, công dân có giá trị dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến hạ bậc lương.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

- a) Là chỉ huy;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- c) Lôi kéo người khác tham gia;
- d) Làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 36. Vi phạm phong cách quân nhân

1. Vi phạm các quy định của Bộ Quốc phòng về sinh hoạt, học tập, công tác, lễ tiết tác phong quân nhân thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 37. Vi phạm trật tự công cộng

1. Vi phạm pháp luật về trật tự công cộng thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia.

Điều 38. Uống rượu, bia trong giờ làm việc và say rượu, bia

1. Uống rượu, bia trong giờ làm việc hoặc khi đang thực hiện nhiệm vụ hoặc say rượu, bia làm ảnh hưởng đến phong cách quân nhân thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Lôi kéo người khác tham gia;
- c) Say rượu, bia khi đang thực hiện nhiệm vụ; làm mất đoàn kết nội bộ cơ quan, đơn vị;

d) Say rượu, bia làm mất trật tự công cộng, mất đoàn kết quân dân gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng.

Điều 39. Tổ chức làm kinh tế trái quy định

1. Người chỉ huy tổ chức cho quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng làm kinh tế trái quy định của Quân đội thì bị kỷ luật cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

- a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;
- b) Làm ảnh hưởng đến hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị;
- c) Gây hậu quả chưa đến mức nghiêm trọng.

Điều 40. Vi phạm liên quan đến ma túy

Người có các hành vi vi phạm liên quan đến ma túy như: Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng, sử dụng trái phép chất ma túy thì bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

Điều 41. Vi phạm các quy định trong lĩnh vực công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương đến giáng chức, cách chức

a) Quản lý, sử dụng trang bị, hạ tầng công nghệ thông tin sai quy định để xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc làm các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị không hoạt động, mất an toàn thông tin, an ninh mạng;

b) Sử dụng các trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị di động thông minh có truy cập vào Internet để tạo lập, xử lý, lưu trữ hoặc cung cấp, trao đổi các tài liệu quân sự có nội dung chưa được phép phổ biến trên mạng Internet và các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin kích động bạo lực, đồi trụy, mê tín dị đoan;

c) Vi phạm quy định về kết nối liên thông giữa mạng máy tính quân sự và mạng Internet;

d) Sử dụng máy tính quân sự để kết nối vào mạng Internet hoặc sử dụng máy tính Internet để kết nối vào mạng máy tính quân sự gây ra hậu quả làm lộ lọt thông tin, mất an toàn thông tin, an ninh mạng;

đ) Không chấp hành hoặc có hành vi cản trở các cơ quan chức năng trong việc triển khai các giải pháp để quản lý bảo đảm công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật và Quân đội;

e) Tự ý sửa chữa, thay thế, lắp mới, tháo đổi thành phần cứng hoặc tự ý cài đặt, cập nhật, nâng cấp, gỡ bỏ, thay đổi tính năng, vô hiệu hóa hoạt động các phần mềm, ứng dụng, dịch vụ trên các trang bị công nghệ thông tin, hệ thống thông tin làm mất an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ giáng cấp bậc quân hàm đến tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc

a) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

b) Sử dụng các trang thông tin điện tử, các mạng xã hội để thực hiện hành vi đăng tải, phát tán, bình luận, chia sẻ những thông tin trái quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thông tin liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quân sự; tin có nội dung xuyên tạc, bịa đặt, xúc phạm danh dự cá nhân, uy tín tổ chức làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh quân nhân, đơn vị; tham gia các diễn đàn, nhóm liên quan đến tội phạm, tổ chức phản động, chống đối chính trị;

c) Cố tình phát tán mã độc hoặc thực hiện các hoạt động tấn công, xâm nhập trái phép vào hệ thống thông tin.

Điều 42. Đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc; cho vay nặng lãi

1. Đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép; cho vay nặng lãi dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo.

2. Nếu vi phạm một trong các trường hợp sau thì bị kỷ luật từ hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm

a) Là chỉ huy;

b) Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm;

c) Lôi kéo người khác tham gia;

d) Cho thuê địa điểm đánh bạc.

Điều 43. Các hành vi vi phạm khác

Ngoài các hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, nếu người vi phạm có hành vi vi phạm khác, vi phạm kỷ luật Quân đội hoặc pháp luật Nhà nước tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản đối với hành vi vi phạm thì căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể, các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật tương ứng từ khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm, tước quân hàm sĩ quan, tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc.

Mục 2

VI PHẠM PHÁP LUẬT BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ ÁP DỤNG HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 44. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ

1. Người nào vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt cảnh cáo, phạt tiền thì bị kỷ luật từ cảnh cáo đến hạ bậc lương.

2. Người nào vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt cải tạo không giam giữ thì bị kỷ luật từ giáng chức, cách chức đến giáng cấp bậc quân hàm.

Điều 45. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo

Người nào vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì bị kỷ luật từ cách chức, giáng cấp bậc quân hàm đến tước quân hàm sĩ quan (trừ các hành vi quy định tại Điều 40 của Thông tư này).

Điều 46. Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt tù có thời hạn và phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ hoặc tù chung thân, tử hình

Người nào vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên phạt tù có thời hạn và phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ hoặc tù chung thân, tử hình thì đương nhiên bị tước danh hiệu quân nhân (đối với quân nhân), buộc thôi việc (đối với công chức, công nhân và viên chức quốc phòng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chương IV **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ KỶ LUẬT**

Điều 47. Trình tự, thủ tục chung

1. Tổ chức sinh hoạt (họp) kiểm điểm.
2. Xác minh, kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.
3. Báo cáo cấp ủy (chi bộ) đảng có thẩm quyền xem xét, thông qua.
4. Ra quyết định kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định theo quyền hạn phân cấp.
5. Công bố quyết định kỷ luật, báo cáo lên trên và lưu trữ hồ sơ ở đơn vị.

Điều 48. Họp kiểm điểm

1. Tổ chức: Căn cứ vào tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị có người vi phạm để xác định cấp tổ chức và người chủ trì họp kiểm điểm cho phù hợp.
2. Thành phần họp kiểm điểm: Căn cứ vào đối tượng vi phạm, tính chất vụ việc để người chỉ huy xác định thành phần tham gia họp.

3. Trình tự họp

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, yêu cầu cuộc họp, thông báo hoặc ủy quyền cho cơ quan thông báo các nội dung: Tóm tắt về quá trình công tác; hành vi vi phạm; các hình thức xử lý đã ban hành (nếu có); thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, thời điểm phát hiện hành vi vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của người có hành vi vi phạm; thời hiệu và thời hạn xử lý theo quy định.

b) Người có hành vi vi phạm trình bày bản tường trình, tự kiểm điểm, trong đó nêu rõ hành vi vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật

Trường hợp người vi phạm vắng mặt, không tự kiểm điểm thì cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh tại gia đình, địa phương, nơi người vi phạm đang cư trú và lập biên bản về sự vắng mặt của người vi phạm. Biên bản xác minh được công bố trước cơ quan, đơn vị và có giá trị thay thế bản tự kiểm điểm của người vi phạm;

Trường hợp người vi phạm không chấp hành kiểm điểm xét kỷ luật thì người chỉ huy căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị của cấp dưới và các

tổ chức quân chúng để triệu tập họp chỉ huy, báo cáo cấp ủy xem xét, quyết định hình thức kỷ luật theo quyền hạn.

c) Tập thể cơ quan, đơn vị phân tích, phê bình, tham gia ý kiến về hành vi vi phạm và đề xuất hình thức kỷ luật. Nếu người vi phạm vắng mặt thì căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm, hành vi vi phạm kỷ luật của người vi phạm, tập thể cơ quan, đơn vị tổ chức cuộc họp phân tích, phê bình, tham gia ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật.

d) Người chủ trì cuộc họp kết luận; nội dung cuộc họp kiểm điểm phải được lập thành biên bản. Tại cuộc họp này không tiến hành biểu quyết, bỏ phiếu.

Điều 49. Kết luận hành vi vi phạm kỷ luật

Người chỉ huy phải trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cấp có thẩm quyền gặp người vi phạm để người vi phạm trình bày ý kiến. Nếu người vi phạm vắng mặt thì người chỉ huy căn cứ vào biên bản xác minh, hồ sơ vi phạm để kết luận về hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật đối với người vi phạm.

Điều 50. Thông qua cấp ủy (chi bộ) đảng

Khi thông qua cấp ủy (chi bộ) đảng phải có báo cáo và các văn bản kèm theo; trong báo cáo phải thể hiện rõ các nội dung:

1. Hành vi vi phạm, tính chất, nguyên nhân và hậu quả của hành vi vi phạm.
2. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.
3. Trách nhiệm của người có hành vi vi phạm.
4. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định.
5. Đề nghị về việc xử lý kỷ luật; hình thức kỷ luật (nếu có).

Điều 51. Quyết định kỷ luật

1. Quyết định kỷ luật phải ghi rõ thời điểm có hiệu lực thi hành.

2. Hiệu lực của quyết định kỷ luật

a) Quyết định kỷ luật có hiệu lực 12 tháng đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, giáng cấp bậc quân hàm.

b) Quyết định kỷ luật có hiệu lực vĩnh viễn đối với hình thức tước quân hàm sĩ quan, tước danh hiệu quân nhân (việc chấm dứt hiệu lực trong từng trường hợp cụ thể do cấp có thẩm quyền xem xét quyết định).

c) Trong thời gian có hiệu lực của quyết định kỷ luật

Nếu người bị kỷ luật không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì khi hết thời gian của hiệu lực, quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực, người vi phạm được công nhận tiến bộ mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực hay công nhận tiến bộ;

Nếu người bị kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm mới có hiệu lực.

d) Khi quyết định kỷ luật đã hết hiệu lực mà người đã bị kỷ luật lại có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì khi xem xét xử lý kỷ luật được coi là hành vi vi phạm mới.

Điều 52. Công bố quyết định kỷ luật

1. Căn cứ vào đối tượng, tính chất vi phạm, hình thức kỷ luật để sau khi có quyết định kỷ luật, người chỉ huy tập hợp đơn vị hay chỉ riêng cán bộ công bố quyết định hoặc gửi thông báo cho cơ quan, đơn vị liên quan và quy định phạm vi phổ biến. Phải ghi vào lý lịch nếu bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Trường hợp bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân, buộc thôi việc thì sau khi công bố quyết định kỷ luật; chỉ huy đơn vị quản lý quân nhân, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên phải cử cán bộ đưa quân nhân vi phạm kỷ luật cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan bàn giao cho cơ quan quân sự cấp huyện; công chức, công nhân và viên chức quốc phòng bàn giao cho ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nơi cư trú (trừ trường hợp đào ngũ không trở lại đơn vị hoặc bị tòa án tuyên án phạt tù).

3. Trường hợp quân nhân đào ngũ bị xử lý kỷ luật vắng mặt, đơn vị gửi văn bản đến UBND cấp xã, phường, thị trấn, cơ quan quân sự cấp huyện nơi quân nhân cư trú và gia đình quân nhân thông báo hình thức xử lý và yêu cầu quân nhân vi phạm trở lại đơn vị. Nếu sau 30 ngày, kể từ ngày thông báo mà quân nhân vi phạm không trở lại đơn vị công tác hoặc chưa đến 30 ngày, quân nhân trở về đơn vị nhưng sau đó tiếp tục bỏ đơn vị từ 2 (hai) lần trở lên mà không được cấp có thẩm quyền cho phép thì bị coi là đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm.

Điều 53. Hồ sơ kỷ luật

1. Hồ sơ kỷ luật

a) Hồ sơ kỷ luật gồm: Bản tường trình, bản tự kiểm điểm của người vi phạm; trích yếu, trích ngang; biên bản các cuộc họp; kết luận điều tra, xác minh của cơ quan chức năng, bản án có hiệu lực của tòa án, ý kiến tham gia của các tổ chức quần chúng, báo cáo đề xuất của các cơ quan (nếu có); quyết định thi hành kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

b) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp

Đối với cấp không có cơ quan: Người chỉ huy chuẩn bị hồ sơ, tài liệu;

Đối với cấp có cơ quan: Người vi phạm là đảng viên hoặc thuộc diện cơ quan cán bộ quản lý, do ủy ban kiểm tra đảng ủy cùng cấp chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý nhân sự và các cơ quan liên quan chuẩn bị hồ sơ, tài liệu. Người vi phạm không là đảng viên, do cơ quan quản lý nhân sự của người vi phạm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu.

c) Trường hợp vi phạm kỷ luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đối tượng thuộc diện Quân lực quản lý không phải là đảng viên, hồ sơ gửi về Cục Quân lực, Bộ Tổng Tham mưu; đối tượng là đảng viên hoặc thuộc diện Cán bộ quản lý, hồ sơ gửi về Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương và Cục Cán bộ, Tổng cục Chính trị để tiến hành các bước.

2. Quản lý hồ sơ kỷ luật

Hồ sơ kỷ luật được quản lý tại đơn vị có người vi phạm; cơ quan Tham mưu, Chính trị, Ủy ban kiểm tra; cơ quan chức năng khác (nếu cần). Cơ quan Tham mưu là cơ quan tổng hợp, quản lý số liệu kỷ luật.

Điều 54. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với quân nhân biệt phái; lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước không đúng quy định; người vi phạm đã chuyển đơn vị; người vi phạm đã chết

1. Quân nhân vi phạm kỷ luật trong thời gian biệt phái thì việc xem xét, xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định của Chính phủ về biệt phái sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước không đúng quy định

a) Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm 15 ngày đến dưới 30 ngày so với thời gian quy định thì đơn vị quản lý học viên xem xét kỷ luật; dừng cấp các chế độ, gửi thông báo (lần 1) về cho gia đình; ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú (gọi tắt là địa phương), cơ quan tùy viên quốc phòng Việt Nam tại nước sở tại yêu cầu lưu học sinh về nước theo quy định.

b) Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm 30 ngày đến dưới 90 ngày so với thời gian quy định thì đơn vị quản lý học viên xem xét kỷ luật; gửi thông báo (lần 2) về cho gia đình, địa phương và cơ quan tùy viên quốc phòng Việt Nam tại nước sở tại; tiếp tục yêu cầu lưu học sinh về nước theo quy định.

c) Lưu học sinh quân sự, lưu học sinh cơ yếu về nước chậm từ 90 ngày trở lên so với thời gian quy định thì đơn vị quản lý học viên xem xét kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định; gửi thông báo (lần 3) về gia đình, địa phương và cơ quan tùy viên quốc phòng Việt Nam nước sở tại; phối hợp với các cơ quan chức năng yêu cầu bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định; Cục Bảo vệ An ninh Quân đội đề nghị cơ quan chức năng Bộ Công an giám sát việc xuất nhập cảnh để phối hợp xử lý.

3. Người vi phạm đã chuyển công tác về cơ quan, đơn vị khác trong Bộ Quốc phòng mới phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật khi đang công tác ở cơ quan, đơn vị cũ thì do cơ quan, đơn vị cũ tiến hành xem xét kỷ luật và gửi toàn bộ hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị đang quản lý người vi phạm để lưu hồ sơ và theo dõi, quản lý.

4. Người vi phạm đã chết thì chỉ xem xét, kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật và giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định của Quân đội và pháp luật Nhà nước.

Điều 55. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Người vi phạm pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tòa án tuyên có tội và áp dụng hình phạt từ cảnh cáo trở lên thì thực hiện trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật rút gọn

a) Người chỉ huy căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật, tính chất vụ việc để xem xét đề xuất hình thức kỷ luật theo quy định; trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cấp có thẩm quyền trực tiếp gặp người vi phạm để người vi phạm trình bày ý kiến (đối với người bị phạt án treo trở xuống);

b) Thông qua cấp ủy (chi bộ) đảng;

c) Ra quyết định kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định theo quyền hạn phân cấp;

d) Thông báo quyết định kỷ luật đến cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo lên trên và lưu trữ hồ sơ ở đơn vị;

đ) Giải quyết chế độ, chính sách.

2. Người vi phạm pháp luật bị khởi tố, truy tố, xét xử thì đương nhiên không được mang mặc trang phục của Quân đội trong thời gian bị cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử. Chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên thu hồi quân phục.

3. Người vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên án phạt tù có thời hạn và phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ hoặc tù chung thân thì sau khi chấp hành xong bản án; đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên (nơi quản lý người vi phạm trước khi thực hiện bản án) giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

Điều 56. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người vi phạm đã thôi phục vụ trong quân đội

Đối với người đã thôi phục vụ trong Quân đội, mới phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian phục vụ tại ngũ đến mức phải xử lý kỷ luật; cơ quan, đơn vị quản lý người vi phạm trước khi rời khỏi Quân đội (cấp trung đoàn và tương đương trở lên) tiến hành trình tự, thủ tục sau:

1. Thu thập đầy đủ các chứng cứ về hành vi vi phạm; xác định tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm để áp dụng hình thức xử lý kỷ luật phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này; trường hợp vi phạm tới mức giáng chức, cách chức thì xử lý kỷ luật xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm.

2. Gửi thông báo cho người vi phạm kèm theo các văn bản liên quan; yêu cầu cá nhân vi phạm có mặt tại đơn vị để làm rõ hành vi vi phạm.

Trường hợp người vi phạm không có mặt mà không có lý do chính đáng thì sau 30 ngày tiếp tục gửi thông báo lần 2 đến người vi phạm và cơ quan đoàn thể có liên quan nơi người vi phạm cư trú. Nếu sau thông báo lần 2 (sau 15 ngày), người vi phạm tiếp tục không có mặt thì tiến hành xử lý kỷ luật như đối với trường hợp vắng mặt.

3. Tổ chức gặp gỡ người vi phạm để làm rõ về hành vi vi phạm, hình thức kỷ luật áp dụng và nghe ý kiến của người vi phạm. Thành phần làm việc gồm chỉ huy đơn vị và các cơ quan, đơn vị có liên quan; kết thúc làm việc phải kết luận rõ ràng và ghi thành biên bản, có chữ ký xác nhận của chỉ huy đơn vị, đại diện cơ quan và người vi phạm.

a) Trường hợp trong quá trình làm việc, người vi phạm đưa ra các bằng chứng xác thực, chứng minh bản thân không đến mức phải xử lý kỷ luật hoặc những vấn

đề chưa rõ trong xác định hành vi vi phạm thì cơ quan, đơn vị phải tiến hành xác minh, thẩm tra làm rõ và thông báo cho người vi phạm trước khi kết luận.

b) Trường hợp người vi phạm không nhất trí với hành vi vi phạm mà cơ quan, đơn vị xác định, nhưng không đưa ra được bằng chứng xác thực thì vẫn tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

4. Kết luận về hành vi vi phạm, báo cáo cấp ủy đảng có thẩm quyền xem xét thông qua và thông báo cho người vi phạm.

5. Ra quyết định kỷ luật; gửi quyết định kỷ luật cho người vi phạm và thông báo cho các tổ chức đoàn thể có liên quan tại địa phương nơi người vi phạm cư trú.

Điều 57. Quy định khác có liên quan đến xử lý kỷ luật

1. Trường hợp người vi phạm thuộc quyền có hành vi công khai chống mệnh lệnh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên phải kịp thời dùng mọi biện pháp kiên quyết ngăn chặn; báo cáo ngay lên cấp trên có thẩm quyền cùng biên bản và bằng chứng để xử lý.

2. Trường hợp người làm việc trong tổ chức cơ yếu đã thôi phục vụ mới phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian công tác đến mức phải xử lý kỷ luật thì áp dụng trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật như quy định tại Điều 56 Thông tư này; trường hợp vi phạm kỷ luật đến mức giáng chức, cách chức hoặc bị tòa án tuyên án phạt tù có thời hạn và phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ hoặc tù chung thân thì xử lý kỷ luật xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm.

3. Đối với các hành vi vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên có tội và áp dụng hình phạt

a) Khi bản án, quyết định của tòa án tăng hoặc giảm hình phạt; thay đổi loại hình phạt; thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt thì hình thức kỷ luật đã áp dụng cũng được cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý thay đổi hình thức tương ứng, kể từ ngày bản án mới hoặc quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định xử lý kỷ luật đối với người vi phạm đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc tòa án kết luận là bị oan, sai thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc từ ngày quyết định của tòa án có hiệu lực, người chỉ huy có trách nhiệm công bố công khai tại đơn vị nơi người vi phạm đang công tác.

4. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo kết luận việc xử lý kỷ luật tiến hành không đúng quy định về áp dụng hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý thì cấp có thẩm quyền đã ký quyết định kỷ luật phải ra quyết định hủy bỏ quyết định đã ban hành; đồng thời tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với người vi phạm theo đúng quy định tại Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024; thay thế Thông tư số 16/2020/TT-BQP ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc

phòng quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong Bộ Quốc phòng. Khi có văn bản mới thay thế các văn bản được chỉ dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 59. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. *Ch*

Nơi nhận:

- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- BTMM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP, C19, C20;
- Cục Quân huấn/BTMM;
- Công TTĐT/BQP;
- Lưu: VT. Đt78.



Đại tướng Phan Văn Giang